

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAM RANH
TỈNH KHÁNH HÒA
Số:07/2023/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cam Ranh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH - TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Dương Thị Vân

Thư ký phiên họp: Bà Dương Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh tham gia phiên họp:
Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh đã tiến hành mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 06/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023 về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án”, theo quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số: 06/2023/QĐST - VDS ngày 14 tháng 9 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Phan Kiều D, sinh năm: 1976
2. Bà Phù Thị Ngọc T, sinh năm: 1976

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Tu Thị T1, sinh năm: 1972
 2. Ông Huỳnh Hữu D1, sinh năm: 1974
 3. Bà Huỳnh Thị Thúy L, sinh năm: 1992
- Cùng địa chỉ: Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

4. Bà Tu Thị L1, sinh năm: 1989
 5. Ông Huỳnh Tấn H, sinh năm: 1994
 6. Ông Huỳnh Duy L2, sinh năm: 2002
- Địa chỉ: Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt)

HKTT: Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Hiện nay đang chấp hành án tại đội phạm nhân số 24 thuộc phân trại số A, Trại giam Đ - C 10 - Bộ C1 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

7. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh

Địa chỉ: Số F P, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện ủy quyền: Ông Man Thắng T2 - Chấp hành viên (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

8. Ông Lê Kim T3, sinh năm: 1988

9. Cháu Lê Huỳnh Bảo T4, sinh ngày 09/9/2014 và Lê Bảo Toàn T5, sinh ngày: 23/02/2019

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Lê Huỳnh Bảo T4, Lê Bảo Toàn T5 là ông Lê Kim T3 và bà Huỳnh Thị Thúy L (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu đề ngày 20/7/2023, người yêu cầu ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T trình bày:

Ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T là người được thi hành án theo bản án sơ thẩm số 64/2022/DS - ST ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh. Bản án buộc bà Tu Thị T1 phải trả cho ông, bà số tiền nợ đã vay là 715.000.000 đồng.

Bà Tu Thị T1 có phần quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106,2m², tọa lạc tại Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ CI 696049, số vào sổ cấp GCN: CH02163 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 20/9/2017, cho hộ ông Huỳnh Hữu D1 và bà Tu Thị T1, trên đất có 01 căn nhà cấp 4.

Theo công văn số 377/CV - CATP (THAHS) ngày 14/3/2023 của Công an thành phố C xác định tại thời điểm năm 1999, hộ ông Huỳnh Hữu D1 và Tu Thị T1 có 05 người: Huỳnh Hữu D1, Tu Thị T1, Tu Thị L1 (con riêng của bà T1), Huỳnh Thị Thúy L, Huỳnh Tấn H.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh đã ra thông báo số 676/TB - CCTHADS ngày 13/7/2023 nêu rõ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo hợp lệ nếu ông D, bà T không yêu cầu thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phân quyền sở hữu, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.

Nay ông, bà là người được thi hành án theo công văn nêu trên, yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng của người phải thi hành án là bà Tu Thị T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật thi hành án dân sự đối với tài sản nhà và đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106,2m², tọa lạc tại Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ CI 696049, số vào sổ cấp GCN: CH02163 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 20/9/2017 cho hộ ông Huỳnh Hữu D1 và bà Tu Thị T1.

Ngày 24/11/2023, ông bà yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, phân chia tài sản chung và thi hành án đối với diện tích đất 106.2m² theo giấy chứng nhận đã

được nhà nước cấp cho hộ ông Huỳnh Hữu D1, bà Tu Thị T1. Đối với các công trình có trên thửa đất ông, bà yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, phân chia tài sản chung và thi hành án đối với căn nhà nằm trong diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận là 65.9m², phần diện tích nhà còn lại nằm ngoài diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông, bà không yêu cầu giải quyết.

Đối với mái che 1 và một phần mái che 2 nằm trong diện tích đất được cấp giấy chứng nhận nhưng giá trị nhỏ nên ông, bà không yêu cầu giải quyết. Các công trình còn lại không nằm trong diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận nên ông, bà không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tu Thị T1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106,2m², tọa lạc tại thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất số sổ CI 696049, sổ vào sổ cấp GCN: CH02163 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 20/9/2017 cho hộ ông Huỳnh Hữu D1 và bà Tu Thị T1. Thửa đất này là của mẹ bà là bà Trương Thị C (đã chết) để lại cho bà.

Trước năm 2000, bà không nhớ cụ thể năm nào, bà có làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình bà. Hộ gia đình bà lúc này gồm có bà, ông Huỳnh Hữu D1 (chồng), Tu Thị L1 (con riêng của bà), Huỳnh Thị Thúy L (con), Huỳnh Tấn H (con). Đến năm 2005, gia đình bà có xây dựng nhà cấp 4 trên đất, thời điểm này gia đình bà thuộc hộ nghèo nên Ủy ban nhân dân xã C xây dựng nhà tình thương, hỗ trợ cho bà số tiền 12.000.000 đồng, còn lại số tiền của gia đình bà. Gia đình bà có làm thêm mái che và xây dựng thêm nhà bếp, đều có việc đóng góp tiền và công sức của bà, ông Huỳnh Hữu D1 và các con Tu Thị L1, Huỳnh Thị Thúy L, Huỳnh Tấn H, Huy Duy L3, Lê Kim T3.

Nay ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản, phân quyền sử dụng đất của bà Tu Thị T1 đối với nhà và đất tại thửa đất nói trên, bà không đồng ý vì đây là tài sản chung của cả hộ gia đình gồm ông D1, bà và các con là Tu Thị L1, Huỳnh Thị Thúy L, Huỳnh Tấn H, Huỳnh Duy L2, Lê Kim T3, không phải của chung của bà và ông D1, tuy nhiên bà không làm đơn khởi kiện chia tài sản chung.

Trong quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Hữu D1 trình bày:

Ông và bà Tu Thị T1 trước đây là vợ chồng nhưng hiện nay đã giải quyết ly hôn tại Bản án số: 20 ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh.

Nguồn gốc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106.2m² tọa lạc tại thôn H, xã C là của cậu (ông không nhớ tên, đã chết, chết năm nào ông không nhớ), cho bà Trương Thị C (mẹ ruột bà T1) ở, sau đó bà C cho ông và bà T1 thửa đất này (ông không nhớ năm nào).

Đến năm 1999, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 20, diện tích 95m². Tại thời điểm 1999 gia đình ông có các thành viên trong hộ gồm Huỳnh Hữu D1, bà Tu Thị T1, Tu Thị L1 (con riêng bà T1), Huỳnh Thị Thúy L (con đẻ), Huỳnh Tấn H

(con đẻ). Thời điểm năm 1999 đến năm 2004, trên thửa đất này có 01 căn nhà ván, mái tôn. Do hộ gia đình ông thuộc diện hộ nghèo nên hộ gia đình ông được xét hỗ trợ xây dựng mới 01 căn nhà Đại đoàn kết với diện tích sàn 68.5m², loại nhà cấp 4, nền và tường gạch xi măng, mái tôn; giá trị hỗ trợ là 12.000.000 đồng (mười triệu đồng) từ nguồn hỗ trợ từ ông Hoàng K, là một tỷ phú người Việt định cư tại Hoa Kỳ; phần tiền còn lại là của vợ chồng bỏ ra xây dựng. Tổng giá trị căn nhà xây dựng xong bao nhiêu ông cũng không nhớ rõ.

Đến năm 2017, hộ gia đình ông làm thủ tục chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106.2m² tọa lạc tại thôn H, xã C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CI 696049, sổ vào sổ cấp GCN: CH02163 ngày 20/9/2017 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho hộ ông Huỳnh Hữu D1, bà Tu Thị T1.

Hiện nay, trên thửa đất này có ông, con gái là Huỳnh Thị Thúy L, chồng của L (tên là T3), 02 con của L và con trai Huỳnh Tấn L4, sinh năm: 2002 đang sống sinh sống, Huỳnh Tấn L4 đang đi chấp hành án phạt tù.

Căn nhà diện tích 68.5m², loại nhà cấp 4, nền và tường gạch xi măng, mái tôn tọa lạc tại thôn H. Gia đình ông thuộc hộ nghèo, ngoài khoản hỗ trợ 12.000.000 đồng từ Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc xã C, toàn bộ tiền để xây dựng nhà trên là của ông và bà T1, các con còn nhỏ không có đóng góp công sức cũng như tiền bạc.

Ông xác nhận căn nhà cấp 4 có xây dựng thêm 01 gian và lợp mái tôn để hình thành nên căn nhà có chữ L như hiện trạng. Do vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn nên ông đi làm ăn ở tỉnh Gia Lai, gian nhà mới này do ai xây dựng ông cũng không được biết đến năm 2021 về lại C, ông thấy đã có gian nhà này rồi.

Ông Phan Kiều D và bà Tu Thị T1 yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng của người phải thi hành án là bà Tu Thị T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật thi hành án dân sự đối với tài sản nhà và đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106,2m², tọa lạc tại Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Ông xác định tài sản nhà, đất trên là tài sản chung của ông và bà Tu Thị T1, ông muốn để lại tài sản này cho con trai là Huỳnh Duy L2 ở. Việc bà Tu Thị T1 nợ ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T là khoản nợ riêng của bà T1, ông không biết nên ông không đồng ý đối với yêu cầu nêu trên của ông D, bà T.

Công việc của ông là đi làm biển nên ít khi có mặt ở nhà, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong tất cả các buổi làm việc cũng như phiên họp giải quyết việc dân sự. Nhưng khi giải quyết vụ việc, không được làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tu Thị L1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106,2m², tọa lạc tại thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa là của bà ngoại bà Trương Thị C (đã chết) để lại cho hộ gia đình bà. Bà ở trên thửa đất này từ lúc nhỏ đến năm 2007 thì lấy chồng ở nơi khác.

Vào năm 2005 gia đình bà có xây dựng nhà cấp 4. Gia đình bà thuộc hộ nghèo, ngoài khoản hỗ trợ 12.000.000 đồng từ Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc xã C, phần tiền

còn lại để xây dựng nhà trên là của ông D1, bà T1 và các anh chị em trong gia đình gồm Tu Thị L1, Huỳnh Tấn H, Huỳnh Thị Thúy L đóng góp công sức và tiền. Đến năm 2014, gia đình bà có làm mái che mặt bên. Đến năm 2020, bà T1, ông D1 và các anh chị em gồm bà, H và vợ chồng em L có đóng góp tiền để xây thêm 01 gian nhà bếp gần 40m², tường rào trước và sau. Riêng Huỳnh Duy L2 không đóng góp công sức và tiền trong việc xây nhà và xây thêm gian nhà bếp cũng như các công trình nêu trên. Bà đóng góp bao nhiêu tiền, bà không nhớ, vì là ba mẹ và anh chị em trong gia đình nên việc đóng góp bao nhiêu tiền bà đưa cho mẹ bà, ngoài anh chị em trong gia đình biết thì không có ai chứng kiến. Việc bà đóng góp tiền xây dựng nhà, xây thêm 01 gian nhà và công trình trên đất không có giấy tờ gì nên bà không có chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án.

Đến năm 2020, gia đình bà xây dựng thêm 01 gian nhà bếp, ông D1 đi làm ăn có gửi tiền về cho bà, bà đưa cho mẹ là bà T1 để xây dựng nhà, ông D1 đưa cho bà nhiều lần, bà không nhớ cụ thể. Anh chị em, mỗi người đóng góp bao nhiêu tiền để xây dựng nhà, công trình trên đất bà không nhớ.

Hiện nay có cha mẹ là ông D1, bà T1, em Huỳnh Thị Thúy L cùng với chồng của L là Lê Kim T3 và 02 cháu Lê Huỳnh Bảo T4, sinh ngày 09/9/2014, Lê Bảo Toàn T5, sinh ngày: 23/02/2019 đang sống trên nhà, đất này, Huỳnh Duy L2 (đang đi chấp hành án) ở Đ. Đối với yêu cầu của ông D, bà T4 bà không đồng ý. Bà không làm đơn khởi kiện chia tài sản chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thúy L trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106,2m², tọa lạc tại thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa là của bà ngoại bà Trương Thị C (đã chết) để lại cho hộ gia đình bà. Hiện nay vợ chồng, con của bà đang sinh sống trên thửa đất này

Vào năm 2005 gia đình bà có xây dựng nhà cấp 4, ngoài khoản hỗ trợ 12.000.000 đồng từ Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc xã C, toàn bộ tiền để xây dựng nhà trên là của ông D1, bà T1 và các anh chị em Tu Thị L1, Huỳnh Tấn H và bà đóng góp. Đến năm 2014 gia đình bà có làm mái che mặt bên. Vào năm 2012 bà kết hôn với ông Lê Kim T3 và ở trên nhà, đất này. Đến năm 2020 vợ chồng tôi có đóng góp tiền để xây thêm 01 gian nhà bếp gần 40m², tường rào trước và sau. Riêng Huỳnh Duy L2 không đóng góp công sức và tiền trong việc xây nhà và xây thêm gian nhà bếp cũng như các công trình nêu trên. Bà không nhớ đóng góp bao nhiêu tiền, bà đưa tiền cho mẹ là bà T1, ngoài anh chị em trong gia đình ra thì không có ai chứng kiến, bà không có tài liệu, chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Bà không đồng ý yêu cầu của ông D, bà T4 vì lý do đây là tài sản chung của hộ gia đình gồm ông D1, bà T1, chị L1, em H, bà và có công sức đóng góp của chồng bà, khi giải quyết ly hôn ông D1, bà T1 thống nhất để lại toàn bộ tài sản trên cho các con.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106,2m², tọa lạc tại Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa là của bà ngoại bà Trương Thị C (đã chết) để lại cho hộ gia đình ông.

Đến năm 2017, cha mẹ bà làm thủ tục chuyển đổi từ sổ đỏ sang sổ hồng đối với thửa đất trên. Đến năm 2005, gia đình ông có xây dựng nhà cấp 4 trên đất, thời điểm này gia đình ông thuộc hộ nghèo nên được hỗ trợ xây dựng nhà Đại đoàn kết từ mạnh thường quân, thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã C, số tiền được hỗ trợ là 12.000.000 đồng, phần tiền còn lại để xây dựng căn nhà trên là của gia đình ông có ông D1, bà T1 và chị Tu Thị L1, Huỳnh Thị Thúy L đóng góp. Đến năm 2014 gia đình ông có làm mái che mặt bên và sân. Đến năm 2020, mẹ ông là bà T1, ông D1 và các anh chị em là chị L1, ông và vợ chồng em L có đóng góp tiền để xây thêm 01 gian nhà bếp gần 40m², tường rào trước và sau. Riêng Huỳnh Duy L2 không đóng góp công sức và tiền trong việc xây nhà và xây thêm gian nhà bếp cũng như các công trình trên đất.

Ông ở trên thửa đất này từ lúc nhỏ đến năm 2019 thì cất nhà ở riêng tại thôn H, xã C, thành phố C. Ông đóng góp bao nhiêu tiền, ông không nhớ, vì là ba mẹ và anh chị em trong gia đình nên việc đóng góp bao nhiêu tiền ông đưa cho mẹ ông, ngoài mẹ và chị em trong gia đình biết thì không có ai chứng kiến. Việc ông đóng góp tiền xây dựng nhà, xây thêm 01 gian nhà và công trình trên đất không có giấy tờ gì nên ông không có chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án.

Thời điểm xây dựng nhà năm 2005, tổng cộng bao nhiêu tiền ông không nhớ. Thời điểm năm 2014 làm chái mặt bên và sân hơn 20 triệu. Thời điểm xây thêm 01 gian nhà bếp, tường rào trước và sau trên 100.000.000 đồng. Toàn bộ hóa đơn, chứng từ cho việc xây dựng này ông và gia đình ông không giữ.

Nay ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà Tu Thị T1 đối với nhà và đất tại thửa đất nói trên, ông không đồng ý. Ông không làm đơn khởi kiện chia tài sản chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Duy L2 trình bày:

Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 56 tại Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Căn nhà trên đất do ông D1, bà T1 xây dựng. Ông không có đóng góp tiền hay công sức vì lúc đó ông còn nhỏ, đến khoảng năm 2020 nhà ông có sửa chữa, xây thêm, ông không đóng góp tiền bạc hay công sức. Tu Thị L1, Huỳnh Thị Thúy L, Huỳnh Tân H, Lê Kim T3 có đóng góp tiền, công sức và công sức, số tiền đóng góp ông không biết.

Ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản nhà và đất tại thôn H, xã C ông không có ý kiến, việc phân chia tài sản ông đề nghị Tòa án phân chia tài sản còn lại cho những người có liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Kim T3 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất và tài sản có trên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106,2m², tọa lạc tại thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa ông không biết.

Ông là chồng của Huỳnh Thị Thúy L, là con rể của ông D1, bà T1. Ông và bà L chung sống với nhau vào thời gian khoảng năm 2012, vợ chồng ông cùng 02 con

là Lê Huỳnh Bảo T4, sinh ngày 09/9/2014 và Lê Bảo Toàn T5, sinh ngày: 23/02/2019, bà T1, ông D1, Huỳnh Duy L2 đang sinh sống trên ngôi nhà cấp 4 và thửa đất này (Huỳnh Duy L2 đang đi chấp hành án phạt tù). Vợ chồng ông có đóng góp tiền và công sức để xây dựng thêm 01 gian nhà bếp như hiện nay. Tài liệu chứng cứ để chứng minh về đóng góp tiền bạc và công sức ông không có để cung cấp cho Tòa án.

Ông D, bà T4 yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng của người phải thi hành án là bà Tu Thị T1, ông không liên quan đối với việc dân sự nêu trên nên ông không có ý kiến gì và giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh, Chấp hành viên ông Man Thắng T2 trình bày:

Ông đề nghị giải quyết việc dân sự trên theo đúng quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh phát biểu quan điểm:

Căn cứ Điều 361, 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 101, Điều 102, Điều 212, Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 101, Điều 102, Điều 212, Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 74 Luật thi hành án dân sự; Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Kiều D và bà Phù Thị Ngọc T, xác định quyền sử dụng đất đối với thửa số 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106,2m², trong đó có 95m² đất ở và 11.2m² đất trồng cây lâu năm, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 696049, số vào sổ cấp GCN: H02163 được UBND thành phố C cấp ngày 20/9/2017 là tài sản chung của ông Huỳnh Hữu D1, bà Tu Thị T1. 65,9m² nhà và bếp trên phần diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận là tài sản chung của ông Huỳnh Hữu D1 và bà Tu Thị T1. Bà T1 được hưởng 1/2 giá trị quyền sử dụng đối với 106,2m² và 1/2 giá trị nhà, bếp có diện tích xây dựng 65,9m². Theo Mảnh trích đo địa chính số 20-2023 ngày 22/9/2023 của Công ty TNHH Đ1. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Hữu D1, bà Tu Thị T1 phải hoàn lại tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho ông D, bà T. Về lệ phí: ông Phan Kiều D và bà Phù Thị Ngọc T nộp lệ phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết:

Ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án là nhà và đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106,2m², tọa lạc tại thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Theo quy định tại khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh.

[1.2] Về việc giải quyết phiên họp.

Ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án. Các ông, bà Huỳnh Hữu D1, Tu Thị T1, Tu Thị L1, Huỳnh Thị Thúy L, Huỳnh Tấn H không đồng ý đối với yêu cầu của ông D, bà T và không có yêu cầu khởi kiện tranh chấp về tài sản chung. Mặt khác, Tòa án đã lập biên bản ghi nhận ý kiến của người yêu cầu về việc có khởi kiện vụ án dân sự hay không, ông D, bà T giữ nguyên yêu cầu giải quyết việc dân sự, không yêu cầu Tòa án chuyển sang trình tự thủ tục để giải quyết khởi kiện vụ án dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh giải quyết phiên họp theo quy định tại Điều 361 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về phạm vi giải quyết việc dân sự:

Ngày 24/11/2023, ông Phan Kiều D và bà Phù Thị Ngọc T thay đổi một phần yêu cầu giải quyết việc dân sự, yêu cầu xác định quyền sở hữu, phân chia tài sản chung và thi hành án đối với diện tích 106,2m² được cấp trong Giấy chứng nhận; đối với công trình trên đất ông D, bà T yêu cầu giải quyết căn nhà cấp 4 diện tích 65,9m², phần diện tích nhà còn lại nằm ngoài diện tích đất được cấp giấy chứng nhận và các công trình có trên đất còn lại ông D, bà T không yêu cầu giải quyết, do đó không vượt quá phạm vi yêu cầu giải quyết việc dân sự ban đầu nên chấp nhận.

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự:

Ông Huỳnh Hữu D1, bà Huỳnh Thị Thúy L, ông Lê Kim T3, ông Huỳnh Duy L2, đại diện Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ông Huỳnh Tấn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của các đương sự nêu không ảnh hưởng đến việc mở phiên họp giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các ông, bà nêu trên.

[2] Về nội dung:

Theo bản án sơ thẩm số 64/2022/DS - ST ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh buộc bà Tu Thị T1 phải trả cho ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T số tiền nợ đã vay là 715.000.000 đồng. Bà Tu Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo bản án nêu trên nên ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T đã nộp đơn yêu cầu thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 của Luật thi hành án Dân sự.

Theo Biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 17/11/2022. Hiện tại bà Tu Thị T1 đang quản lý, sử dụng thửa đất số 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106,2m² trên đất có 01 căn nhà cấp 4, có diện tích khoảng 60m², mái tôn, cửa gỗ, nền gạch men, tường gạch, được cấp Giấy chứng nhận QSD đất số sổ CI 696049, sổ vào sổ cấp GCN: CH02163 ngày 20/9/2017 cho hộ ông Huỳnh Hữu D1 và bà Tu Thị T1.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh đã ra thông báo số 321/TB-CCTHADA ngày 14/4/2023 cho ông Huỳnh Hữu D1, bà Tu Thị L1, ông Huỳnh Tấn H về xác định phân chia tài sản chung để thi hành án.

Sau khi Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Cam Ranh tiến hành thủ tục Thông báo về xác định phân chia tài sản chung để thi hành án đến nay thì các đồng sở hữu nhà đất tại thôn H, xã C đã không khởi kiện chia tài sản chung nên ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T là người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng của người phải thi hành án là bà Tu Thị T1 là phù hợp với khoản 1 Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự.

Tòa án đã tiến hành thủ tục thẩm định tài sản và thu thập thông tin của Chi nhánh Văn phòng Đ2; Ủy ban nhân dân xã C thể hiện tài sản tại thôn H, xã C như sau:

- 01 lô đất thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 56, diện tích theo hiện trạng là 189.0m², diện tích theo giấy chứng nhận là 106,2m².

- Tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, tổng diện tích xây dựng 68.5 m², (trong đó nhà 47,9m², bếp 20.6m²); Mái che ký hiệu (MC1) diện tích 35.3m²; Mái che ký hiệu (MC2), diện tích 24.0m²; 01 nhà vệ sinh 2.4m²; 01 nhà tắm 1.3m²; Cổng: Khung sắt, hộp trụ xây gạch, ốp gạch men dài 3,16m; T6 rào mặt bên: Tường xây gạch cao 0,9m, móng đá chẻ, phía trên trụ bê tông, lưới B40 cao 1m, dài 4,7m. Hàng rào phía trước tiếp giáp đường nhựa: Móng đá chẻ và gạch cao 0,5m, phía trên tường lưới B40, trụ gạch cao 1,6m, dài 4,15m; Hàng rào phía sau lưới B40, trụ bê tông, móng xây gạch cao 1,5m, dài 8,1m; Tường xây gạch để bồn nước: Móng đá chẻ, tường xây gạch tấp lô cao 1,1m, dài 1,2m, rộng 02m x 2 tường.

[2.1] Về nguồn gốc đất:

Ông Huỳnh Hữu D1 và bà Tu Thị T1 (Tô Thị T7) có kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ 20, diện tích 95m² đất thổ cư tọa lạc tại thôn M, xã C, huyện C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa. Ngày 08/6/1999, hộ ông Huỳnh Hữu D1 và bà Tu Thị T1 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ 00866/QSDĐ/CTĐ-CR đối với thửa số 66, tờ bản đồ số 20, diện tích 95m², loại đất thổ cư (T) theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của chính phủ cho hộ gia đình ông Huỳnh Hữu D1. Ngày 20/9/2017, hộ ông Huỳnh Hữu D1 và bà Tu Thị T1 được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 696049, số vào sổ cấp GCN: H02163 đối với thửa 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106,2m², trong đó có 95m² đất ở và 11.2m² đất trồng cây lâu năm. Quá trình sử dụng diện tích tăng lên 94m² do ông D1, bà T1 khai hoang thêm một phần diện tích nương nước, đường đi và sai số đo đạc; Theo bản đồ 201 đo đạc năm 1995 có 82.8m² đất nương nước và đường đi. Phần diện tích tăng thêm ông D1, bà T1 sử dụng ổn định, không tranh chấp với những hộ liền kề.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/9/2023 và tại mảnh trích đo địa chính số: 20 - 2023 của công ty TNHH Đ1 bản đồ và tư vấn bất động sản Đ1 lập ngày 22/9/2023 thì hiện trạng thửa đất có diện tích 189.0 m²; phần diện tích ký hiệu (A) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 46.0m²; phần diện tích ký hiệu (B) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 36.8m². Ông D, bà T yêu cầu giải quyết diện tích đất trong phạm vi diện tích được cấp giấy chứng nhận là 106.2m².

Như vậy, căn cứ để Tòa án xem xét giải quyết giải quyết của ông D, bà T là thửa số 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 696049, số vào sổ cấp GCN: CH02163, do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 20/9/2017 cấp cho hộ ông Huỳnh Hữu D1, bà Tu Thị T1.

Đối với phần diện tích 82.8m² chưa được cấp Giấy chứng nhận do lấn chiếm một phần mương nước và đường đi nên không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 08/11/2023 tại Công an thành phố C, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 1999 hộ ông Huỳnh Hữu D1 và Tu Thị T1 gồm có 05 người: Huỳnh Hữu D1, Tu Thị T1, Tu Thị L1 (con riêng của bà T1), Huỳnh Thị Thúy L, Huỳnh Tấn H, đến năm 2017 có thêm ông Huỳnh Duy L2. Mặc dù, thửa đất nêu trên được cấp cho hộ gia đình nhưng thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có 01 người chưa được sinh ra là Huỳnh Duy L2 và có 03 người là Tu Thị L1 - sinh năm 1989, Huỳnh Thị Thúy L, sinh năm: 1992, Huỳnh Tấn H, sinh năm: 1994 còn nhỏ, sống phụ cha mẹ, không có công sức đóng góp, tôn tạo đối với tài sản nêu trên. Ông D1 cũng xác định thửa đất nêu trên là tài sản chung của ông D1 và bà T1. Mặt khác, Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của chính phủ, quy định về việc giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Thửa đất trên được cấp cho hộ ông Huỳnh Hữu D1, bà Tu Thị T1 là đất thô cư, không thuộc đối tượng điều chỉnh nghị định 64/CP. Do đó, không có cơ sở để xác định thửa đất trên là của 05 thành viên hộ gia đình.

Căn cứ vào nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất nêu trên xác định được: Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106,2m² tại thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa là tài sản chung của ông Huỳnh Hữu D1 và bà Tu Thị T1. Do đó, bà Tu Thị T1 được quyền quản lý, sử dụng 1/2 thửa đất trên.

[2.2] Về tài sản có trên đất:

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C ngày 26/9/2023, về việc xây và sửa chữa nhà của hộ ông Huỳnh Hữu D1 xác định: Căn nhà cấp 4, có diện tích 68.5m² có trên thửa đất trước đây do vợ chồng ông Huỳnh Hữu D1 và bà Tu Thị T1 tạo dựng và quá trình sử dụng xây dựng, sửa chữa lại, không có hồ sơ lưu trữ quản lý xây dựng nhà và không có hồ sơ xử lý về việc xây dựng nhà nêu trên.

Theo biên bản xác minh ngày 27/9/2023, Mặt trận tổ quốc xã C cho biết: Căn nhà cấp 4 có diện tích 68,5m² là căn nhà Đại đoàn kết được xây dựng vào năm 2005, do ông Hoàng K một tỷ phú người Việt định cư tại Hoa Kỳ hỗ trợ 10.000.000 đồng, chi phí còn lại để hoàn thiện là của gia đình ông D1, bà T1.

Bà Tu Thị L1, bà Huỳnh Thị Thúy L, ông Huỳnh Tấn H, ông Lê Kim T3 cho rằng việc xây, sửa chữa nhà và các công trình có trên đất (bao gồm gian bếp rộng 40m²), các ông, bà đều có công sức đóng góp tiền và công sức nhưng không chứng minh được công sức đóng góp của mình vào tài sản nêu trên. Các ông, bà cho rằng xây dựng vào năm 2020 có xây dựng thêm gian bếp 40 m² nhưng kết quả thẩm định và đo vẽ là 20m², nằm trong tổng diện tích nhà 68.5m². Riêng ông Huỳnh Duy L2 xác định, ông còn nhỏ không có đóng góp trong việc xây dựng căn nhà này. Ông Huỳnh Hữu D1 cũng xác định toàn bộ tiền để xây dựng căn nhà trên là của ông và

bà T1, không có công sức đóng góp của các con. Vì vậy, căn nhà cấp 4 nêu trên là tài sản chung của ông Huỳnh Hữu D1, bà Tu Thị T1.

Theo Mảnh trích đo địa chính ngày 22/9/2023, căn nhà cấp 4 có tổng diện tích xây dựng là 68.5m², trong đó có 65,9m² nhà thuộc Giấy chứng nhận (diện tích nhà 45.3/47.9m²; diện tích bếp 20.6/20.6m²), phần diện tích còn lại 2.6m² không nằm trong diện tích được cấp Giấy chứng nhận. Ông D, bà T yêu cầu giải quyết căn nhà diện tích 65.9m² là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên có căn cứ xác định: Bà Tu Thị T1 được sở hữu, sử dụng 1/2 căn nhà cấp 4, diện tích 65.9m² có trên thửa số 37, tờ bản đồ số 56 tại thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Đối với Mái che ký hiệu (MC1) diện tích 35.3m² và một phần mái che ký hiệu (MC2), diện tích 24.0m² nằm trong diện tích đất được cấp giấy chứng nhận nhưng giá trị nhỏ. Các công trình còn lại 01 nhà vệ sinh 2.4m²; 01 nhà tắm 1.3m²; Cổng: dài 3,16m; T6 rào mặt bên: cao 1m, dài 4,7m; Hàng rào phía trước tiếp giáp đường nhựa: dài 4,15m; Hàng rào phía sau lưới B40 dài 8,1m; Tường xây gạch để bồn nước: Móng đá chẻ, tường xây gạch tấp lô cao 1,1m, dài 1,2m, rộng 02m x 2 tường, ông D, bà T không yêu cầu nên không xét.

[2.3] Đối với ý kiến của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trong quá trình giải quyết việc dân sự bà Tu Thị T1, bà Tu Thị L1, bà Huỳnh Thị Thúy L, ông Huỳnh Tấn H, ông Lê Kim T3 đã được nghe giải thích về quyền và nghĩa vụ của mình, quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung nhưng đương sự không có yêu cầu khởi kiện tranh chấp về tài sản chung nên không xét.

Ông Huỳnh Hữu D1, bà Tu Thị T1, bà Tu Thị L1, bà Huỳnh Thị Thúy L, ông Huỳnh Tấn H cho rằng tài sản là nhà, đất thửa đất số 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106,2m² tại thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa khi giải quyết ly hôn ông D1, bà T1 đã thỏa thuận cho các con. Tuy nhiên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình số: 20/2019/HNGĐ - ST ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh không giải quyết về tài sản chung, mặt khác các đương sự không xuất trình được tài liệu chứng cứ về tài sản chung là nhà và đất trên đã tặng cho con nên không xét.

[3] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Yêu cầu của ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T được chấp nhận nên bà Tu Thị T1 phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bà Tu Thị T1 phải hoàn lại cho ông D, bà T số tiền là 4.890.000 đồng

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[5] Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 157, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 213 Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 7, Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

Căn cứ Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của chính phủ;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T về việc “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án*” đối với người được thi hành án là bà Tu Thị T1.

2. Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản trong khối tài sản chung của ông Huỳnh Hữu D1, bà Tu Thị T1 tại thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa là lô đất thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 56, diện tích 106.2m² và 01 căn nhà cấp 4 diện tích 65.9m² như sau:

Bà Tu Thị T1 được quản lý, sử dụng tỷ lệ $\frac{1}{2}$ nhà, đất trong đó (diện tích đất là 106,2m² và diện tích nhà là 65.9m²) tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 56 tọa lạc tại Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

(*Chi tiết nhà và đất theo mảnh trích đo địa chính số 20 - 2023 của Công ty TNHH Đ1 bản đồ và tư vấn bất động sản Cam Ranh đính kèm quyết định*).

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Bà Tu T1 phải hoàn lại cho ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.890.000 đồng (Bốn triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Tu Thị T1 không thi hành khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ phải hoàn lại thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số AA/2023/0002516 ngày 28/8/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cam Ranh; Ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Người yêu cầu; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Người đại diện theo pháp luật cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP Cam Ranh
- Chi cục THADS TP Cam Ranh;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Dương Thị Vân